

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 593/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

NGÀY THI: 19/9/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Bùi Ngọc Anh	18/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003897	CNTT/20/3927	Đạt	
2	CNTT02	Giáp Thị Vân Anh	07/01/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003898	CNTT/20/3928	Đạt	
3	CNTT03	Nguyễn Thị Ngọc Anh	28/05/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003899	CNTT/20/3929	Đạt	
4	CNTT04	Trần Quang Bằng	23/12/1989	Bắc Giang	Nam	Mường	6,5	6,0	DBG003900	CNTT/20/3930	Đạt	
5	CNTT05	Hoàng Thị Bích	11/12/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003901	CNTT/20/3931	Đạt	
6	CNTT06	Nguyễn Ngọc Bích	13/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003902	CNTT/20/3932	Đạt	
7	CNTT07	Sái Ngọc Bích	01/03/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG003903	CNTT/20/3933	Đạt	
8	CNTT08	Nguy Minh Chiến	22/12/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,0	DBG003904	CNTT/20/3934	Đạt	
9	CNTT09	Nguyễn Thị Dinh	08/09/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003905	CNTT/20/3935	Đạt	
10	CNTT10	Hoàng Thị Dung	12/02/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003906	CNTT/20/3936	Đạt	
11	CNTT11	Nguyễn Đình Đức	25/10/1989	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	7,5	DBG003907	CNTT/20/3937	Đạt	
12	CNTT12	Nguyễn Thị Hạnh	20/11/1990	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,0	6,5	DBG003908	CNTT/20/3938	Đạt	
13	CNTT13	Trần Thị Hằng	04/03/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003909	CNTT/20/3939	Đạt	
14	CNTT14	Vì Thị Hiền	18/01/1991	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	7,0	DBG003910	CNTT/20/3940	Đạt	
15	CNTT15	Lê Văn Huệ	02/02/1981	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	7,5	DBG003911	CNTT/20/3941	Đạt	
16	CNTT16	Tô Thị Huyền	10/08/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003912	CNTT/20/3942	Đạt	
17	CNTT17	Châu Thị Huyền	28/11/1993	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,5	7,0	DBG003913	CNTT/20/3943	Đạt	
18	CNTT18	Đặng Linh Hương	22/11/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,5	DBG003914	CNTT/20/3944	Đạt	
19	CNTT19	Nguyễn Thị Hường	24/09/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG003915	CNTT/20/3945	Đạt	
20	CNTT20	Đỗ Thị Ánh Linh	25/09/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003916	CNTT/20/3946	Đạt	
21	CNTT21	Hoàng Thị Linh	20/02/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003917	CNTT/20/3947	Đạt	
22	CNTT22	Trần Thị Linh	25/12/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003918	CNTT/20/3948	Đạt	
23	CNTT23	Trần Thị Chi Linh	17/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,5	7,5	DBG003919	CNTT/20/3949	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
24	CNTT24	Trần Hữu	Lượng	01/01/1970	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,5	DBG003920	CNTT/20/3950	Đạt	
25	CNTT25	Nguyễn Xuân	Minh	22/05/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,5	DBG003921	CNTT/20/3951	Đạt	
26	CNTT26	Trần Thị	Nét	01/12/1986	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003922	CNTT/20/3952	Đạt	
27	CNTT27	Nông Thị	Ngọc	28/03/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,5	DBG003923	CNTT/20/3953	Đạt	
28	CNTT28	Cam Thị	Nguyễn	20/06/1998	Bắc Giang	Nữ	Nùng	8,5	7,0	DBG003924	CNTT/20/3954	Đạt	
29	CNTT29	Nguyễn Thị	Nhài	13/05/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	DBG003925	CNTT/20/3955	Đạt	
30	CNTT30	Nguyễn Thị	Nhâm	12/08/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003926	CNTT/20/3956	Đạt	
31	CNTT31	Vì Thị	Nhung	05/05/1993	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	7,5	DBG003927	CNTT/20/3957	Đạt	
32	CNTT32	Trịnh Thị	Quyên	21/05/1971	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003928	CNTT/20/3958	Đạt	
33	CNTT33	Trịnh Đắc	Tâm	08/07/1986	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,7	6,5	DBG003929	CNTT/20/3959	Đạt	
34	CNTT34	Hoàng Thị	Thao	04/08/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	6,5	DBG003930	CNTT/20/3960	Đạt	
35	CNTT35	Nguyễn Thị	Thu	24/11/1989	Hải Dương	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG003931	CNTT/20/3961	Đạt	
36	CNTT37	Nguyễn Thị	Trang	05/10/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003932	CNTT/20/3962	Đạt	
37	CNTT38	Nguyễn Thu	Trang	28/12/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	DBG003933	CNTT/20/3963	Đạt	
38	CNTT39	Vũ Thị Như	Trang	08/02/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003934	CNTT/20/3964	Đạt	
39	CNTT40	Nịnh Thị	Tươi	26/03/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003935	CNTT/20/3965	Đạt	
40	CNTT41	Nguyễn Thị	Vinh	05/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	DBG003936	CNTT/20/3966	Đạt	
41	CNTT42	Nguyễn Thị	Vui	05/05/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG003937	CNTT/20/3967	Đạt	
42	CNTT43	Hoàng Thị	Xạ	30/09/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG003938	CNTT/20/3968	Đạt	
43	CNTT44	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/11/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003939	CNTT/20/3969	Đạt	
44	CNTT45	Ngô Văn	Chiên	18/01/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG003940	CNTT/20/3970	Đạt	
45	CNTT46	Nguyễn Thị Thu	Cúc	28/10/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003941	CNTT/20/3971	Đạt	
46	CNTT47	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	06/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003942	CNTT/20/3972	Đạt	
47	CNTT48	Nguyễn Thị Thùy	Dương	15/05/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	8,0	DBG003943	CNTT/20/3973	Đạt	
48	CNTT49	Vũ Thị	Giang	10/03/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003944	CNTT/20/3974	Đạt	
49	CNTT50	Bàng Thị	Hằng	03/09/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003945	CNTT/20/3975	Đạt	
50	CNTT51	Hoàng Thị	Hằng	12/06/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG003946	CNTT/20/3976	Đạt	
51	CNTT52	Nguyễn Thị	Hằng	04/06/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG003947	CNTT/20/3977	Đạt	
52	CNTT53	Thân Thị Thu	Hằng	24/02/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003948	CNTT/20/3978	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
53	CNTT54	Trần Thị Hằng	04/07/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	DBG003949	CNTT/20/3979	Đạt	
54	CNTT55	Nguyễn Văn Hoan	29/05/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	DBG003950	CNTT/20/3980	Đạt	
55	CNTT56	Phạm Thị Huế	25/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003951	CNTT/20/3981	Đạt	
56	CNTT57	Lê Thị Thu Huyền	30/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG003952	CNTT/20/3982	Đạt	
57	CNTT58	Nguyễn Thị Huyền	12/08/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003953	CNTT/20/3983	Đạt	
58	CNTT60	Nguyễn Thị Hường	13/08/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG003954	CNTT/20/3984	Đạt	
59	CNTT61	Nguyễn Thị Lành	31/08/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003955	CNTT/20/3985	Đạt	
60	CNTT62	Lương Thị Liên	03/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003956	CNTT/20/3986	Đạt	
61	CNTT63	Nguyễn Thị Liên	12/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003957	CNTT/20/3987	Đạt	
62	CNTT64	Lê Thùy Linh	12/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG003958	CNTT/20/3988	Đạt	
63	CNTT65	Nguyễn Thị Ánh Linh	11/02/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,5	DBG003959	CNTT/20/3989	Đạt	
64	CNTT66	Vũ Khánh Linh	22/02/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,5	DBG003960	CNTT/20/3990	Đạt	
65	CNTT67	Ngô Thị Thiên Lý	25/05/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003961	CNTT/20/3991	Đạt	
66	CNTT68	Hoàng Đức Minh	27/09/1993	Bắc Giang	Nam	Tày	7,5	6,5	DBG003962	CNTT/20/3992	Đạt	
67	CNTT69	Nguyễn Thị Phương	04/08/1991	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003963	CNTT/20/3993	Đạt	
68	CNTT70	Thân Thị Phương	30/06/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003964	CNTT/20/3994	Đạt	
69	CNTT71	Phạm Thị Quỳnh	18/09/1996	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	5,5	6,0	DBG003965	CNTT/20/3995	Đạt	
70	CNTT72	Trần Thị Quỳnh	16/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Hoa	5,2	5,0	DBG003966	CNTT/20/3996	Đạt	
71	CNTT74	Đổng Văn Thắng	20/03/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,5	DBG003967	CNTT/20/3997	Đạt	
72	CNTT75	Nguyễn Song Thịnh	13/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	DBG003968	CNTT/20/3998	Đạt	
73	CNTT76	Nông Kim Thùy	28/08/2000	Tuyên Quang	Nữ	Tày	5,0	5,0	DBG003969	CNTT/20/3999	Đạt	
74	CNTT77	Trần Thị Thư	01/05/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	DBG003970	CNTT/20/4000	Đạt	
75	CNTT78	Bế Thị Thương	10/08/1997	Cao Bằng	Nữ	Nùng	7,0	6,0	DBG003971	CNTT/20/4001	Đạt	
76	CNTT79	Trịnh Thị Trang	18/10/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG003972	CNTT/20/4002	Đạt	
77	CNTT82	Hoàng Văn Tùng	14/07/1999	Hà Giang	Nam	Tày	5,0	5,0	DBG003973	CNTT/20/4003	Đạt	
78	CNTT83	Triệu Quang Tùng	08/06/1980	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,5	DBG003974	CNTT/20/4004	Đạt	
79	CNTT84	Bùi Đình Văn	10/11/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	7,5	DBG003975	CNTT/20/4005	Đạt	
80	CNTT85	Nguyễn Văn Việt	04/10/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	DBG003976	CNTT/20/4006	Đạt	
81	CNTT86	Trần Hải Yên	08/12/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003977	CNTT/20/4007	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				

Tổng số thí sinh theo danh sách:

81

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 28 tháng 9 năm 2020

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang